

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
4. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình (sau đây gọi là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo quyết định số 731/QĐ-UB ngày 04/04/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và được bàn giao làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Công văn số 3047/CN-TCCB ngày 13/06/2005 của Bộ Công Nghiệp. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000317707 lần đầu vào ngày 29/07/2005 và các lần thay đổi sau đó, lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12/04/2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất bia chai, bia hơi.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Lô CN 1, Khu Công nghiệp TBS-Sông Trà, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Mã số thuế : 1 0 0 0 3 1 7 7 0 7

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
Ông Hoàng Chí Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Cường	Thành viên
Ông Phạm Xuân Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quý Huệ	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Phương Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 11 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bỏ nhiệm từ ngày 22 tháng 11 năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Chí Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Chí Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Chí Thanh

Giám đốc

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Số: 065/2023/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 09 tháng 3 năm 2023.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Trương Quang Trung – Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2023-099-1*

Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Bùi Duy Phương Thanh – Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5425-2020-099-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.038.628.045	27.220.418.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.231.566.013	13.759.755.451
1 Tiền	111	4	1.231.566.013	13.759.755.451
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.294.897.915	1.150.527.713
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	5.942.475.896	1.866.774.714
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	683.227.000	310.241.250
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.934.965.979	3.964.566.359
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.265.770.960)	(4.991.054.610)
III. Hàng tồn kho	140	9	8.509.739.805	12.304.645.038
1 Hàng tồn kho	141		8.517.104.280	12.386.058.591
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.364.475)	(81.413.553)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.424.312	5.489.940
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.424.312	5.489.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.931.229.641	197.785.757.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.000.000	120.000.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	7	120.000.000	120.000.000
II. Tài sản cố định	220		154.214.652.748	176.002.281.019
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	154.214.652.748	176.002.281.019
- Nguyên giá	222		412.402.246.495	412.315.242.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.187.593.747)	(236.312.961.080)
2 Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		202.164.500	202.164.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(202.164.500)	(202.164.500)
III. Tài sản dài hạn khác	260		21.596.576.893	21.663.476.453
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	12	21.596.576.893	21.663.476.453
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		190.969.857.686	225.006.175.614

H. H. M. S. T. QUANG

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.172.296.284	110.694.915.969
I. Nợ ngắn hạn	310		73.235.516.284	107.880.455.969
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.029.305.180	11.791.294.288
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.376.138.831	14.213.881.005
3 Phải trả người lao động	314		4.290.317.000	5.188.161.000
4 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	539.943.986	582.820.823
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.761.133.095	3.011.749.520
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	43.693.783.012	72.789.714.153
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	544.895.180	302.835.180
II. Nợ dài hạn	330		2.936.780.000	2.814.460.000
1 Phải trả dài hạn khác	337	16	2.936.780.000	2.814.460.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.797.561.402	114.311.259.645
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	114.797.561.402	114.311.259.645
1 Vốn cổ phần	411	19.1	76.912.260.000	76.912.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.912.260.000	76.912.260.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.844.996.673	2.844.996.673
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		31.536.916.654	31.536.916.654
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.503.388.075	3.017.086.318
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.517.086.318	(386.814.905)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		986.301.757	3.403.901.223
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		190.969.857.686	225.006.175.614

Nguyễn Thanh Chương
Người lập biểu

Vũ Xuân Vinh
Kế toán trưởng



Hoàng Chí Thanh
Giám đốc

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	161.559.317.449	135.823.264.062
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.608.878.379	164.189.167
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	159.950.439.070	135.659.074.895
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	21	138.438.784.387	112.109.248.918
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.511.654.683	23.549.825.977
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.313.268	5.378.497
7 Chi phí tài chính	22	23	3.768.042.714	4.961.499.051
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.768.020.245	4.961.327.940
8 Chi phí bán hàng	25	24	5.691.835.296	3.645.935.426
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.566.176.225	10.895.472.358
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.489.913.716	4.052.297.639
11 Thu nhập khác	31		175.082.079	142.248.073
12 Chi phí khác	32		333.383.331	118.972.539
13 Lợi nhuận khác	40	26	(158.301.252)	23.275.534
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.331.612.464	4.075.573.173
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28.1	345.310.707	671.671.950
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		986.301.757	3.403.901.223
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	128	378
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	128	378



Nguyễn Thanh Chương
Người lập biểu



Vũ Xuân Vinh
Kế toán trưởng



Hoàng Chí Thanh
Giám đốc

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		1.331.612.464	4.075.573.173
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10	21.997.628.271	23.063.978.480
- Các khoản dự phòng	03		282.080.825	1.335.959.943
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.895.590)	(48.121.847)
- Chi phí lãi vay	06	23	3.768.020.245	4.961.327.940
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.375.446.215	33.388.717.689
- Tăng các khoản phải thu	09		(4.419.086.552)	(561.805.512)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.787.540.758	(3.006.185.001)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(5.299.631.936)	17.694.222.097
- Giảm chi phí trả trước	12		69.965.188	515.172.803
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.872.645.999)	(5.020.241.712)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(714.801.561)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	18	(257.940.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.668.846.113	43.009.880.364
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	10	(105.000.000)	(324.966.000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	85.800.000
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.895.590	5.374.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(101.104.410)	(233.791.212)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	17	102.701.460.085	45.201.365.850
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(131.797.391.226)	(74.319.289.552)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.095.931.141)	(29.117.923.702)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(12.528.189.438)	13.658.165.450
Tiền đầu năm	60	4	13.759.755.451	101.590.001
Tiền cuối năm	70	4	1.231.566.013	13.759.755.451

Nguyễn Thanh Chương
Người lập biểu

Vũ Xuân Vinh
Kế toán trưởng



Hoàng Chí Thanh
Giám đốc

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình (sau đây gọi là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo quyết định số 731/QĐ-UB ngày 04/04/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và được bàn giao làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Công văn số 3047/CN-TCCB ngày 13/06/2005 của Bộ Công Nghiệp. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000317707 lần đầu vào ngày 29/07/2005 và các lần thay đổi sau đó, lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12/04/2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất bia chai, bia hơi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN 1, Khu Công nghiệp TBS-Sông Trà, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 124 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 120 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5. Thông tin so sánh

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	07 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm
Phần mềm máy tính	03 năm

3.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

3.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10. Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➤ *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

➤ *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.13. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	139.764.500	27.768.117
Tiền gửi ngân hàng	1.091.801.513	13.731.987.334
TỔNG CỘNG	1.231.566.013	13.759.755.451

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Xuân Dân	1.350.991.573	1.350.991.573
Công ty TNHH Nông sản Phúc Huy	333.843.148	333.843.148
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.186.893.480	-
Phải thu các khách hàng khác	70.747.695	181.939.993
TỔNG CỘNG	5.942.475.896	1.866.774.714
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.507.834.721)	(1.350.991.573)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần TM Đầu tư & Phát triển Công nghệ SCTT	282.500.000	282.500.000
Công ty TNHH TM Vật tư và Phụ gia Công nghiệp	380.727.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	20.000.000	27.741.250
TỔNG CỘNG	683.227.000	310.241.250

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1.000.000	2.000.000
Giá trị chênh lệch quyết toán dự án còn lại phải thu nhà thầu (*)	3.757.936.239	3.640.063.037
Phải thu ngắn hạn khác	176.029.740	322.503.322
TỔNG CỘNG	3.934.965.979	3.964.566.359
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(3.757.936.239)	(3.640.063.037)

(*) Là khoản chênh lệch còn lại phải thu các nhà thầu đối với phần giá trị quyết toán Dự án xây dựng nhà máy bia Hà Nội – Thái Bình công suất 50 triệu lít/năm theo biên bản kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước ngày 26 tháng 08 năm 2016.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG	120.000.000	120.000.000

8. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	2.761.319.941	-	2.643.446.739	-
Công ty TNHH Nhật Anh	471.339.617	-	471.339.617	-
Tổng công ty Cổ Phần Bia Rượu NGK Hà Nội	497.435.755	-	497.435.755	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng P&P	17.339.000	-	17.339.000	-
Công Cổ phần Tư vấn và Quản lý dự án xây dựng CMAXX	10.501.926	-	10.501.926	-
Công ty TNHH Nông sản Phúc Huy	156.843.148	-	-	-
Ông Nguyễn Xuân Dân	1.350.991.573	-	1.350.991.573	-
TỔNG CỘNG	5.265.770.960	-	4.991.054.610	-

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 5 và số 7*.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.885.684.114	(5.636.475)	8.470.254.859	(81.413.553)
Công cụ, dụng cụ	430.583.695	(1.728.000)	481.542.302	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.092.021.252	-	3.137.775.475	-
Thành phẩm	99.831.313	-	19.688.558	-
Hàng hóa	8.983.906	-	276.797.397	-
TỔNG CỘNG	8.517.104.280	(7.364.475)	12.386.058.591	(81.413.553)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(81.413.553)	(93.907.156)
Dự phòng trích lập trong năm	(7.364.475)	(12.741.505)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	81.413.553	25.235.108
Số cuối năm	(7.364.475)	(81.413.553)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Số đầu năm	104.333.001.831	302.183.204.503	3.328.569.091	2.470.466.674	412.315.242.099
Mua trong năm	-	210.000.000	-	-	210.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(122.995.604)	-	-	-	(122.995.604)
Số cuối năm	104.210.006.227	302.393.204.503	3.328.569.091	2.470.466.674	412.402.246.495
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	9.423.074.417	30.895.328.749	962.350.909	1.303.481.037	42.584.235.112
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	31.987.699.038	200.205.202.950	2.000.603.311	2.119.455.781	236.312.961.080
Khấu hao trong năm	3.247.917.385	18.303.669.045	291.206.876	154.834.965	21.997.628.271
Thanh lý, nhượng bán	(122.995.604)	-	-	-	(122.995.604)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	35.112.620.819	218.508.871.995	2.291.810.187	2.274.290.746	258.187.593.747
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	72.345.302.793	101.978.001.553	1.327.965.780	351.010.893	176.002.281.019
Số cuối năm	69.097.385.408	83.884.332.508	1.036.758.904	196.175.928	154.214.652.748
Trong đó:					
Sử dụng để cầm cố/ thế chấp	66.947.520.177	-	-	-	66.947.520.177

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng giá trị còn lại TSCĐ đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng ngắn hạn (tham chiếu Thuyết minh số 17) là 66.947.520.177 VND (nhà cửa vật kiến trúc). Tổng giá trị còn lại tài sản thế chấp tại 31/12/2022: 170.969.608.498 VND (nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý)



11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá:		
Số đầu năm		202.164.500
Số cuối năm		202.164.500
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết		202.164.500
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm		202.164.500
Hao mòn trong năm		-
Số cuối năm		202.164.500
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		-
Số cuối năm		-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước khác	2.424.312	5.489.940
TỔNG CỘNG	2.424.312	5.489.940

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	838.209.824	535.356.751
Chi phí bảo trì phần mềm máy tính	3.763.438	11.117.640
Chi phí tiền thuê đất (*)	20.733.313.308	21.095.711.739
Chi phí trả trước khác	21.290.323	21.290.323
TỔNG CỘNG	21.596.576.893	21.663.476.453

(*) Khoản tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp TBS Sông Trà theo Hợp đồng thuê đất số 01/2009/HĐTLĐ ngày 27 tháng 10 năm 2009 với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp TBS Sông Trà, thời hạn thuê đất đến hết 15 tháng 10 năm 2057.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Lương Thực Hà Nam Ninh	-	-	1.314.300.000	1.314.300.000
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Khai	960.204.000	960.204.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Thái Tân	1.233.801.460	1.233.801.460	902.978.766	902.978.766
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.828.899.689	1.828.899.689	5.823.417.729	5.823.417.729
Phải trả đối tượng khác	6.006.400.031	6.006.400.031	3.750.597.793	3.750.597.793
TỔNG CỘNG	10.029.305.180	10.029.305.180	11.791.294.288	11.791.294.288

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	1.706.805.725	21.180.845.141	(22.412.413.309)	475.237.557
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	11.761.956.829	133.546.188.145	(135.915.203.243)	9.392.941.731
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	671.671.950	345.310.707	(714.801.561)	302.181.096
Thuế Thu nhập cá nhân	69.631.608	346.602.429	(356.272.779)	59.961.258
Thuế Tài nguyên	2.936.160	51.309.120	(52.599.840)	1.645.440
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	19.695.000	(19.695.000)	-
Các loại thuế khác	878.733	200.228.016	(56.935.000)	144.171.749
TỔNG CỘNG	14.213.881.005	155.690.178.558	(159.527.920.732)	10.376.138.831

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	45.312.556	149.938.310
Các khoản khác	494.631.430	432.882.513
TỔNG CỘNG	539.943.986	582.820.823

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	155.246.600	158.579.000
Nhận ký quỹ, ký cược	242.000.000	574.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.880.100	29.880.100
Chiết khấu phải trả khách hàng	1.774.826.775	689.610.800
Phải trả trợ cấp mất việc làm	1.526.483.400	1.526.483.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.696.220	32.696.220
TỔNG CỘNG	3.761.133.095	3.011.749.520

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.936.780.000	2.814.460.000
TỔNG CỘNG	2.936.780.000	2.814.460.000

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	(Thuyết minh số 17.1)	43.693.783.012	24.289.714.153
Vay dài hạn đến hạn trả		-	48.500.000.000
TỔNG CỘNG		43.693.783.012	72.789.714.153

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

			VND
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Tổng cộng
Số đầu năm	24.289.714.153	48.500.000.000	72.789.714.153
Tiền thu từ đi vay	102.701.460.085	-	102.701.460.085
Tiền chi trả nợ gốc vay	(83.297.391.226)	(48.500.000.000)	(131.797.391.226)
Số cuối năm	43.693.783.012	-	43.693.783.012
Số có khả năng trả nợ	43.693.783.012	-	43.693.783.012

17.1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Bên cho vay	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	
Hợp đồng tín dụng	3810374.23 ngày 04/12/2023	
Hạn mức tín dụng	50.000.000.000	VND
Lãi suất cho vay	Theo từng giấy nhận nợ	
Thời hạn vay	12 tháng	
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tài sản đảm bảo	Bao gồm hàng tồn kho và nhà xưởng	
Số dư cuối năm	43.693.783.012	VND

18. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quý này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quý được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		302.835.180	302.835.180
Trích lập trong năm	<i>(Thuyết minh số 19.1)</i>	500.000.000	-
Sử dụng trong năm		(257.940.000)	-
Số cuối năm		544.895.180	302.835.180



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	76.912.260.000	2.844.996.673	31.536.916.654	(386.814.905)	110.907.358.422
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.403.901.223	3.403.901.223
Số cuối năm	76.912.260.000	2.844.996.673	31.536.916.654	3.017.086.318	114.311.259.645
Năm nay					
Số đầu năm	76.912.260.000	2.844.996.673	31.536.916.654	3.017.086.318	114.311.259.645
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	986.301.757	986.301.757
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	76.912.260.000	2.844.996.673	31.536.916.654	3.503.388.075	114.797.561.402

19.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Hà Nội	51.000.000.000	66,31%	51.000.000.000	66,31%
Vốn góp của các đối tượng khác	25.912.260.000	33,69%	25.912.260.000	33,69%
TỔNG CỘNG	76.912.260.000	100,00%	76.912.260.000	100,00%

19.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	76.912.260.000	76.912.260.000
Số cuối năm	76.912.260.000	76.912.260.000

19.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.691.226	7.691.226
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	7.691.226	7.691.226
Cổ phiếu phổ thông	7.691.226	7.691.226
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.691.226	7.691.226
Cổ phiếu phổ thông	7.691.226	7.691.226

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	161.559.317.449	135.823.264.062
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	158.542.430.769	133.536.220.037
Doanh thu khác	3.016.886.680	2.287.044.025
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.608.878.379)	(164.189.167)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(299.414.919)	(164.189.167)
Hàng bán bị trả lại	(1.309.463.460)	-
DOANH THU THUẦN	159.950.439.070	135.659.074.895
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng	156.933.552.390	133.372.030.870
Doanh thu thuần từ hoạt động khác	3.016.886.680	2.287.044.025
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	105.873.876.540	84.893.257.829
Doanh thu đối với bên khác	54.076.562.530	50.765.817.066

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	137.154.907.511	111.662.130.227
Giá vốn khác	1.283.876.876	447.118.691
TỔNG CỘNG	138.438.784.387	112.109.248.918

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.895.590	5.374.788
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	417.678	3.709
TỔNG CỘNG	4.313.268	5.378.497

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.768.020.245	4.961.327.940
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.469	171.111
TỔNG CỘNG	<u>3.768.042.714</u>	<u>4.961.499.051</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	2.502.004.539	1.789.051.785
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	725.962.857	260.040.067
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	86.877.120	86.877.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	900.272.453	856.046.846
Chi phí bán hàng khác	1.476.718.327	653.919.608
TỔNG CỘNG	<u>5.691.835.296</u>	<u>3.645.935.426</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.702.692.562	4.666.616.012
Chi phí vật liệu quản lý	486.354.171	435.053.499
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	537.466.222	665.125.209
Chi phí dự phòng	274.716.350	1.348.453.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.489.086	322.009.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.218.457.834	3.458.214.714
TỔNG CỘNG	<u>10.566.176.225</u>	<u>10.895.472.358</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	42.747.059
Các khoản khác	175.082.079	99.501.014
	175.082.079	142.248.073
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(143.293.016)	(17.992.848)
Các khoản khác	(190.090.315)	(100.979.691)
	(333.383.331)	(118.972.539)
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	(158.301.252)	23.275.534

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.193.860.355	69.476.923.699
Chi phí nhân công	19.040.696.708	18.070.210.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.997.628.271	23.063.978.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.386.088.818	11.491.448.583
Các chi phí khác	7.366.289.109	6.383.806.754
TỔNG CỘNG	153.984.563.261	128.486.368.348

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.331.612.464	4.075.573.173
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản phạt	143.293.016	17.992.848
Lương Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	36.000.000	36.000.000
Tổng lợi nhuận chịu thuế	1.510.905.480	4.129.566.021
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(771.206.270)
Thu nhập tính thuế	1.510.905.480	3.358.359.751
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	302.181.096	671.671.950
Điều chỉnh thuế TNDN của những năm trước	43.129.611	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	345.310.707	671.671.950

28.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	Cùng công ty mẹ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Bán hàng	106.820.263.636	84.167.105.101
	Nhận hàng trả lại	1.309.463.460	-
	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	37.012.372.174	30.086.349.193
Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	Cho thuê kho	363.076.364	726.152.728

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	4.186.893.480	-
TỔNG CỘNG	4.186.893.480	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	1.828.899.689	5.823.417.729
TỔNG CỘNG	1.828.899.689	5.823.417.729

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS"), Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Nội dung</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc				
Ông Vũ Thanh Liêm	<i>Chủ tịch HĐQT</i>	<i>Thu nhập</i>	431.333.000	427.140.000
Ông Phạm Trung Kiên	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>Thù lao</i>	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Chí Thanh	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>Thù lao</i>	36.000.000	36.000.000
	<i>Giám đốc</i>	<i>Thu nhập</i>	390.904.000	387.108.000
Ông Nguyễn Hữu Cường	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>Thù lao</i>	36.000.000	36.000.000
	<i>Phó Giám đốc</i>	<i>Thu nhập</i>	336.981.000	333.708.000
Ông Phạm Xuân Hạnh	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>Thù lao</i>	36.000.000	36.000.000
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng				
Ông Lê Quý Huệ	<i>Trưởng BKS</i>	<i>Thù lao</i>	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Phương Lan	<i>Trưởng BKS</i>	<i>Thù lao</i>	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	<i>TV BKS</i>	<i>Thù lao</i>	21.400.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	<i>TV BKS</i>	<i>Thù lao</i>	2.600.000	-
Ông Vũ Xuân Vinh	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Thu nhập</i>	310.014.000	307.008.000
			1.697.232.000	1.682.964.000

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (VND)	986.301.757	3.403.901.223
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(500.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	986.301.757	2.903.901.223
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	7.691.226	7.691.226
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
<i>Lãi cơ bản</i>	128	378
<i>Lãi suy giảm</i>	128	378

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 từ 443 VND/cổ phiếu xuống 378 VND/cổ phiếu để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 04 năm 2023

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, bởi doanh nghiệp kiểm toán khác.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thanh Chương
Người lập biểu



Vũ Xuân Vinh
Kế toán trưởng



Hoàng Chí Thanh
Giám đốc

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024

